

VAI TRÒ NƯƠNG RẦY TRONG ĐỜI SỐNG CỦA NGƯỜI THÁI Ở XÃ MƯỜNG SO - PHONG THỔ - LAI CHÂU

WUONG XUAN TINH

Địa bàn sinh sống của người Thái vùng Tây Bắc Việt Nam chủ yếu tập trung ở các khu vực *thung lũng*, mà tại đó, trong nền kinh tế truyền thống, họ lấy *trồng lúa* làm đối tượng canh tác chính. Các hoạt động khác như chăn nuôi, săn, bắt, hái lượm, và kể cả làm nương rẫy, chỉ mang tính *bổ trợ* mà thôi.

Đến nay, trước sức ép của gia tăng dân số và nhiều nguyên nhân khác, cơ cấu kinh tế truyền thống đã biến dạng. Một trong những đổi thay cơ bản là vai trò của kinh tế nương rẫy ngày càng chiếm vị trí quan trọng trong đời sống của họ. Điều đó, đã tác động không nhỏ tới các vấn đề kinh tế - xã hội, tới sinh thái môi trường, không chỉ của tộc Thái mà của cả các tộc người khác. Bài viết này mong góp phần tìm hiểu thực trạng kinh tế - xã hội của các dân tộc miền núi phía Bắc và thử nêu lên một số kiến giải, thông qua địa chỉ cụ thể: người Thái trắng ở Mường So - Phong Thổ - Lai Châu.

1. Xã Mường So nằm ở phía Tây Bắc huyện Phong Thổ, cách huyện lỵ 28km, cách tỉnh lỵ 80km, cách cửa khẩu Pa Nặm Cúm ở biên giới Việt - Trung 21km. Diện tích tự nhiên của Mường So là 7.310ha, trong đó có 125ha ruộng nước, 948,5ha rừng tự nhiên, 118ha rừng trồng, 3150ha đất có khả năng lâm nghiệp và 105ha đất trống đồi trọc. Đến tháng 10-1992, dân số của xã là 5475 người (2691 nam và 283 nữ), bao gồm 5 dân tộc: Thái - 4625 người, Kinh - 589 người, Giáy - 256 người, Dao - 4 người, H'mông - 5 người. Cư dân Mường So cư trú tại 11 bản, trong đó chỉ có 1 bản toàn Giáy, 2 bản xen cư Thái-

Kinh - Dao - H'mông, còn lại 8 bản chỉ toàn tộc Thái.

Mường So, trước năm 1954 từng là một trung tâm của người Thái trắng vùng Tây Bắc. Từ 1954 - 1979, đây là nơi đặt lỵ sở của huyện Phong Thổ. Sau chiến tranh biên giới, cơ sở vật chất của huyện lỵ cũ bị phá nát và huyện lỵ mới được xây dựng ở Tam Đường. Nhưng hiện nay, Mường So vẫn là trung tâm khu vực tây bắc của huyện, bởi nơi đây có chợ lớn (chợ Mường So họp vào các ngày chủ nhật, thứ hai hàng tuần), có đường lên cửa khẩu Pa Nặm Cúm, và con đường lên Giào San - Trung tâm của khu vực vùng cao biên giới huyện Phong Thổ, cũng qua địa phận của xã.

Trước 1960, mỗi năm người Thái ở Mường So chỉ cấy 1 vụ 100ha. Với số dân ước chừng trên 1000 người(1), thì về cơ bản, thu hoạch từ lúa nước đã đủ đảm bảo cung cấp lương thực cho họ. Lúc đó, kinh tế nương rẫy chiếm vị trí rất nhỏ trong đời sống. Theo điều tra của chúng tôi, cây sắn mới được trồng ở đây trong thời kỳ kháng chiến chống pháp, đem giống từ Sa Pa về. Xưa kia, người Thái không trồng bông mà đổi cá lấy bông của người Dao để dệt vải. Hàng loạt tên các giống cây trồng trên nương rẫy mang nguồn gốc của các dân tộc khác cũng chứng minh, quảng canh nương rẫy là tập quán mới xuất hiện của họ. Chẳng hạn, nguồn gốc của một số giống như: cải mèo - là giống rau cải của người H'mông, các loại lúa nương: *khẩu xe niêu* (lúa tẻ dẻo) và *nỏ mạ cha, khẩu mạ cha* (cây cứng, gạo nấu cơm rất cứng, chỉ dùng chăn nuôi), vốn là thứ lúa của người Dao Làn Tiên... Và, đến

nay, người Thái vẫn còn tập quán nếu thiếu đói, chỉ vay thóc, chứ không vay ngô, khoai, sắn... của nhau.

Từ năm 1960-1979 là thời kỳ kinh tế bao cấp, Mường So lại là vùng biên của huyện lỵ nên được tổ chức, sắp xếp để trở thành đơn vị "vệ tinh", nhằm cung cấp lương thực, thực phẩm cho lỵ sở. Hợp tác xã toàn xã đã chia thành các "đội chuyên": đội chuyên trồng lúa, đội chuyên trồng rau màu, đội chuyên chăn nuôi, đội chuyên ngành nghề (chế biến thực phẩm, nghề mộc, nghề rèn). Một số khu vực rừng núi đã được khai phá làm nương lúa, rau, màu, nhưng nhìn chung vẫn còn hạn chế. Hãy tham khảo một ví dụ về mối tương quan giữa nông nghiệp ruộng nước và kinh tế nương rẫy trong thời kỳ này (xem biểu 1).

BIỂU 1: HOẠT ĐỘNG TRỒNG TRỌT CỦA XÃ MƯỜNG SO NĂM 1968⁽²⁾

Loại cây trồng	Diện tích gieo trồng (ha)	Diện tích bị mất (ha)	Diện tích thu hoạch (ha)	Năng suất (kg)	Sản lượng (kg)
1	2	3	4	5	6
Lúa mùa	138,41	2	136,41	2970	430.920,7
Lúa chiêm	80,0	5,7	74,3	2738	203.439,9
Lúa nương	3,3		63,0	900	3968,0
Ngô	70,0	7		650	40.950,
Sắn	30,0			10.000	300.000
Khoai sọ	1				10.300
Đậu tương	0,4	0,4			
Vừng	3,5		3,5		167,5
Bông	12,0		12,0		3960
Rau	3		3		36.000

Xin lưu ý thêm: diện tích trồng các loại như ngô, sắn, đậu, rau... hầu hết là ở các bãi ven suối hoặc rìa bản, song do điều kiện thiếu thốn của tư liệu nên không bóc tách cho rõ ràng được.

Các gia đình xã viên, ngoài canh tác ít nương bông, chàm để lấy nguyên liệu dệt, đều không được tự do làm nương trồng cây lương thực.

Từ 1979 đến nay, Mường So chuyển sang một giai đoạn mới với điều kiện khó khăn: sự

tàn phá của chiến tranh, dân số tăng nhanh (ngoài tăng tự nhiên, còn có tăng cơ học: do di dân từ Thái Bình lên, do người từ thị trấn Tam Đường trở về quê, cán bộ ở các cơ quan xin định cư, bộ đội hết nghĩa vụ ở lại làm ăn...), huyện lỵ đã di chuyển... Bình quân diện tích ruộng nước càng bị chia nhỏ. Trước tháng 8- 1992, mỗi nhân khẩu nông nghiệp chỉ được quăng gần 300m². Tháng 8-1992, lũ lụt đã tấp cát, đá sỏi lên cánh đồng So - cánh đồng lớn thứ hai (sau Bình Lư) của huyện Phong Thổ, làm khoảng 80ha không thể trồng được lúa: Vào thời điểm tháng 10-1992, khi chúng tôi khảo sát tại địa phương, tình trạng ấy vẫn chưa được khắc phục. Điều đó, đã ảnh hưởng rất lớn đến đời sống của cư dân Mường So, nhất là người Thái, và vai trò của

kinh tế nương rẫy càng có ý nghĩa với họ. Song, những tư liệu về hoạt động kinh tế nương rẫy của họ được nêu trong bài lại thuộc năm 1991 trở về trước.

2. Mặc dù đất nước đã chuyển nền kinh tế sang cơ chế thị trường song bước chuyển biến ấy của cư dân Thái ở Mường So lại rất chậm chạp. Cần nói thêm rằng, không phải người Thái tại đây không có điều kiện cho sự chuyển biến. Như đã nói ở trên, chợ Mường So là một chợ khu vực, lượng giao lưu hàng hóa khá lớn, song số người buôn bán, kinh doanh lại hầu hết thuộc dân tộc Kinh.

Theo thống kê của chúng tôi, chỉ có 12 người Thái trong tổng số 124 hộ kinh doanh ở khu vực chợ Mường So, và số này cũng chỉ buôn bán, kinh doanh những mặt hàng lặt vặt như bánh tẻ, quán cơm, hàng rau, đậu... Lại thêm, năm 1991 xã Mường So tổ chức bán đấu giá lô đất tại khu vực chợ, nhưng chỉ toàn người Kinh nhận mua⁽³⁾. Điều đó cũng phản ánh: cho đến nay, người Thái vẫn rất ngại buôn bán, ngại sống chen chúc ở khu vực chợ búa. Vàng Pheo là một bản toàn Thái, chỉ cách chợ khoảng 400m, song không hề có người

nào buôn bán ở chợ. Chỉ có khoảng 10-15 thanh niên thỉnh thoảng đi cứu vạt ở khu vực cửa khẩu theo mùa vụ. Việc giao lưu hàng hóa trong cộng đồng Thái được xác lập theo kiểu: họ chỉ bán (chứ không buôn) một số sản phẩm nông nghiệp, lâm thổ sản và mua những mặt hàng thiết yếu ở chợ Mường So hoặc tại Trung Quốc.

Chưa tiếp thị được, nên kinh tế của cộng đồng Thái ở Mường So hiện nay vẫn là kinh tế tự lập tự túc, lấy sản xuất lương thực làm trọng tâm. Như đã nói, với bình quân ruộng nước (trước tháng 8-1992) chỉ khoảng gần 300m²/người, thì để đảm bảo nhu cầu lương thực, người Thái chỉ còn cách tăng cường sản xuất nương rẫy mà thôi.

Thống kê cho được diện tích làm nương của các gia đình là một điều nan giải, bởi chính chủ nhân của nó cũng không thể tính được. Ví dụ, tại bản Vàng Pheo, qua số liệu thể hiện trong phiếu điều tra, hộ nào nhiều là 1ha, hộ ít cũng hàng nghìn m². Song, chúng tôi cho rằng, những con số ấy còn xa với thực tế: xin lưu ý số liệu "315ha đất có khả năng lâm nghiệp" đã nêu ở trên. Thực chất, đó chính là khu vực canh tác nương rẫy của cư dân ở Mường So. Riêng người Thái, họ đã vươn sang cả địa phận xã khác như Khổng Lào, Lả Nhì Thành... để canh tác, mà điểm xa nhất, phải tới 15km. Hoạt động nương rẫy đã chiếm hầu hết thời gian trong năm của họ (xem biểu 2).

BIỂU 2: LỊCH THỜI VỤ CỦA NGƯỜI THÁI Ở MƯỜNG SO

Tháng (âm lịch)	Công việc	Phân công lao động		
		Nam	Nữ	Người già, trẻ em
Tháng Giêng	Làm vụ chiêm xuân	Cày bừa, nhổ mạ, chuyển phân	Nhổ mạ, chuyển phân, cấy	Nhổ mạ
Tháng 2-3	Làm cỏ lúa ruộng, làm nương	Phát, đốt nương, cày bừa, bố lỗ để tra hạt	Làm cỏ ruộng, dọn nương, tra hạt	Làm cỏ nương, dọn nương, tra hạt
Tháng 4	Vun xói, làm cỏ nương	Xói đất, làm cỏ	Xói đất, làm cỏ	Làm cỏ, chăn trâu
Tháng 5	Gặt lúa ruộng, gieo mạ mùa, cuốc khoai, bẻ ngô sớm trên nương	Cắt, đập, chuyển lúa. Làm đất, gieo mạ, thu sản phẩm nương	Cắt, đập, chuyển lúa, gieo mạ, thu sản phẩm nương	Chăn trâu, phụ giúp làm ruộng, làm nương.
Tháng 6-7	Làm vụ mùa, thu dưa, ngô, lạc đỗ trên nương	Cày, bừa. Thu sản phẩm nương	Chuyển phân, cấy. Thu sản phẩm nương	Thu sản phẩm nương
Tháng 8-9	Làm cỏ lúa mùa. Thu bầu bí, lúa nương	Gặt, đập, chuyển lúa nương về nhà	Làm cỏ ruộng. Thu sản phẩm nương	Thu sản phẩm nương. Chăn trâu
Tháng 10-11-12	Gặt lúa mùa, cày vơ ruộng, gieo mạ chiêm, phát nương, thu sản trên nương	Cắt, đập, chuyển lúa, cày vơ, làm đất mạ...	Cắt, đập lúa. Phát nương. Gieo mạ mùa. Thu sản phẩm nương...	Phụ giúp thu sản phẩm nương gặt lúa, chăn trâu...

Như vậy, từ tháng 10 âm lịch, nam giới đi cấy ruộng, còn nữ giới thì phát nương. Gia đình nào dồi dào nhân lực có thể phát nương từ tháng 8-9. Cách tìm đất nương mới: dùng cuốc, cuốc thám sát, nơi nào nhiều mùn là được, hoặc chọn chỗ có nhiều cỏ, nhiều cây mục.

Cấy vụ chiêm xong, cả gia đình tập trung làm nương. Tùy theo *địa thế* của nương mà họ có những ứng xử khác nhau. Nếu là khu đất tương đối bằng phẳng, chẳng hạn như ở ven suối hay các lũng núi thì có thể cấy bừa, gieo hạt. Nếu là nơi đất dốc - sườn núi, thì chọc lỗ hoặc bổ lỗ bằng cuốc để tra hạt. Với nương có địa thế bằng, sau khi làm xong, xếp đá bao quanh để giữ đất. Còn nương dốc, sẽ làm đường *phân thủy*, tức là xẻ rãnh ngang trên đầu nương rồi xẻ thêm một rãnh dọc theo sườn núi để khi mưa xuống, nước sẽ thoát theo những đường chính, hạn chế xói lở đất, tàn phá cây trồng. Cũng dựa vào địa hình nương mà họ gieo trồng các nhóm cây khác nhau. Chẳng hạn, với nương có gốc cây to, thì quanh gốc cây, họ trồng mướp; còn chỗ có mô đá lớn - trồng bầu bí để cho leo.

Để tận dụng hợp lý *độ phì* của đất, người Thái còn có cách thức luân canh. Với một đám nương mới, thường năm thứ nhất hoặc thứ hai được trồng lúa, năm thứ ba trồng ngô, năm thứ tư trở đi trồng sắn. Ngoài ra, họ còn *luân giống*, chủ yếu là luân giống lúa. Thí dụ, năm đầu canh tác nơi đất tốt thì trồng lúa nếp, năm thứ hai đất xấu hơn - trồng lúa tẻ. Tất nhiên, đó chỉ là những nương đất màu mỡ như nương ở khu vực gần bản Huổi Xen: có chỗ lớp mùn dày hàng mét. Đất tại khu vực này có thể 3 năm trồng lúa, 3 năm trồng ngô, và từ 3-4 năm nữa trồng sắn.

Trên đại thể, các cây chủ lực được trồng trên nương là lúa - ngô - sắn, song nhằm tận dụng triệt để nguồn đất và có sản phẩm phong phú đáp ứng nhu cầu tiêu dùng, mặt khác, để phục vụ cho ăn uống trên nương trong những lúc lao động, người Thái còn có biện pháp *trồng xen*. Như đã nói, trên nền tảng cây chủ lực, họ xen ghép thêm rất nhiều loại cây khác. Chẳng hạn: *lúa nương* + mía nương + cao lang + bí xanh + dưa + đậu +

mướp. Song cũng tùy từng loại đất: đất tốt thì xen nhiều, đất xấu xen ít. Khi gieo họ trộn lẫn các loại hạt với nhau theo tỉ lệ: 10kg thóc + 0,1kg cao lang và mía nương, còn các loại hạt khác thì tùy theo đất tốt, xấu mà trộn nhiều hay ít. Với ngô nương, người ta thường trồng xen khoai lang, khoai sọ, sắn, lạc, vừng.

Với một tập đoàn cây trồng đậm đặc như vậy, nương là nguồn lương thực và thực phẩm cung cấp cho người Thái gần như quanh năm (xem biểu 3). Ngô, lạc, sắn gieo trồng vào tháng 1-2 âm lịch, còn lúa và các cây xen lúa gieo vào tháng 3. Ngô, sắn 3-4 tháng đã thu được. Còn khi làm cỏ lúa vào tháng 5 âm lịch thì đã có dưa ăn, gặt lúa nương tháng 7 đã có mía nương để giải khát. Các loại khác: mướp đắng - thu vào tháng 5-6, đỗ - tháng 8, mướp, bí, khoai sọ - tháng 8 và 9, sắn - tháng 9 và 12, thậm chí để đến tháng 1-2 năm sau. Năng suất của các loại cây trồng trên nương cũng rất bấp bênh, bởi phụ thuộc vào độ phì của đất của thiên tai (xem biểu 4).

Có thể phân loại nương rẫy của người Thái ở Mường So hiện nay theo 2 tiêu chí:

1. *Căn cứ vào thời gian canh tác*: bao gồm *nương định canh* và *những nương du canh*. Nương định canh là nương gần nhà, ở địa thế tương đối bằng phẳng, nhiều màu, để có điều kiện chăm sóc. Canh tác trên nương này, người ta đầu tư thêm phân bón, còn trồng thêm cả tre để lấy măng ăn và vật liệu xây dựng. Ngoài các loại cây trồng kể trên, họ còn trồng rau để ăn và phần nào đem bán tại chợ Mường So(4). Tóm lại, loại này chính là hình thức nương - vườn. Còn nương du canh thường ở các vùng núi xa, canh tác một số năm, vất kiệt màu rồi lại để hưu canh.

2. *Căn cứ vào giống cây trồng*: bao gồm có *nương trồng cây lương thực, thực phẩm* và *nương trồng cây công nghiệp*. Loại nương trồng cây công nghiệp bao gồm các cây như chàm, bông và thường ở khu vực gần xã Là Nhì Thành. Ngoài ra, mới xuất hiện một loại nương đặc thù, đó là *nương gianh*. Gần đây, do phá nương làm rẫy dữ dội nên gianh lợp nhà trở nên khan hiếm. Các gia đình phải tìm những mảnh đất có nhiều cỏ gianh mọc, phát quang một lượt rồi đốt. Từ những năm sau,

BIỂU 3: CÁC GIỐNG CÂY TRỒNG Ở NƯƠNG VÀ NƯƠNG - VƯỜN

Số TT	Giống cây	Tên gọi theo dân tộc Thái	Gieo trồng (tháng âm lịch)	Thu hoạch (tháng âm lịch)
1	Lúa nương	Khẩu xẻ niên, nỏ ma cha, khẩu mạ cha...	3	7
2	Ngô		1-2	4-5
3	Sắn		1-2	9-12
4	Đậu		3	7
	- Đậu đen	Má thổ đăm		
	- Đậu tương	Má thổ lương		
	- Đậu đũa	Má thổ tài sỏ		
	- Đậu nho nhe	Má thổ nho nhe		
	- Đậu xanh	Đậu xanh		
	- Đậu cô ve	Đậu cô ve		
5	Cao lương	Cao lang	3	5
6	Bí		3	8-9
	- Bí đỏ	Mắc ứ		
	- Bí đao	Má phắc		
7	Bầu	Má đầu	3	7-8-9
8	Mướp	Má bóp	3	5
9	Mướp đắng	Mắc khum	3	6-7
10	Dưa	-	3	5-6
11	Khoai lang	Má òn	2-3	5-6
12	Khoai sọ	Má phố	2-3	7-8
13	Khoai tây	Giàng dí	8	10-11
14	Vừng			
	- Vừng trắng	Má ngá		
	- Vừng đen	Má ngá đăm		
15	Lạc	Má lậu xung	2-3 và 8-9	5-6 và 11-12
16	Kê	-	2-3	4-5
17	Rau cải			
	- Cải đắng	Cải bẹ	7-8	10-11
	- Cải xanh	Phát cát kheo	9-10	10-11
18	Bông	Co phải	2-3	5-6
19	Chàm	-	2-3	4-5
20	Tre	-		

gianh mọc đều và dày. Gia đình nào thiếu gianh lập nhà thường phải vay hoặc mua(5)

Với loại nương trồng cây lương thực, đặc biệt là lúa và ngô, ngoài việc chăm sóc người Thái còn phải lo bảo vệ. Trước đây, chủ yếu là chống thú phá hoại, bằng cách dùng các loại

hay khai thác gỗ...

Sản phẩm thu từ nương, ngoài chỉ dùng cho nhu cầu hàng ngày, còn đem bán. Có thể thấy những sản phẩm của cư dân Thái bán tại chợ Mường So hầu hết là sản phẩm

bẫy (bẫy bằng cây, bằng lưới) và súng. Lúc sắp thu hoạch phải làm chòi, có người ăn ngủ tại đó trông coi. Ngày nay, thú rừng còn rất ít, song lại lo trộm cắp nên vào ngày mùa vẫn phải dựng chòi canh. Khi thu lúa nương, người ta dùng liềm hoặc nhíp cắt lấy bông và khiêng thùng gỗ lên nương để đập. Lúc vận chuyển sản phẩm ở nương về, chủ yếu bằng *gùi* (nữ giới) hoặc *vác* (nam giới).

Trong canh tác nương rẫy cũng như các hoạt động sản xuất khác ở cư dân Thái tại Mường So, tập quán *đổi công* vẫn rất phổ biến. Việc *đổi công* thường chỉ diễn ra trong nội bộ làng bản. Với canh tác nương rẫy, người ta hay *đổi công* ở khâu phát rẫy - khâu nặng nhọc nhất. Lúc trả công thì tính theo buổi làm chứ không theo công việc, chẳng hạn: người giúp công phát nương, nhưng khi được trả công, có thể là thu lúa ruộng

BIỂU 4: NĂNG SUẤT MỘT SỐ CÂY TRỒNG TRÊN NƯƠNG QUA CÁC NĂM.

Số TT	Chủng loại	Sản lượng (kg/ha)		
		1968	1986	1987
1	Lúa	960	800	600
2	nương	650	600	1000
3	Ngô	10.000	600	1200
4	Sắn	1620	-	-
5	Khoai	480	500	-
6	lang Lạc Vừng	48	-	-

nương. Ví dụ, theo thống kê sơ bộ của chúng tôi, trong 30 loại sản phẩm mà họ bán tại chợ Mường So năm 1991, đã có 20 loại từ nương rẫy. Tuy nhiên, khi đem bán, có loại là sản phẩm thừa (như sắn, bầu, bí, cao lương, dưa, rau...), có thứ chỉ mang tính chất trao đổi để có tiền mặt chi dùng cho việc khác (như gạo, ngô...)

Từ xa xưa, người Thái đã có tập quán chiếm hữu những mảnh nương khai phá. Trước 1954, giai cấp thống trị (*phìa tạo*) chỉ cấm dân khai thác ở một số khu vực quanh vùng (gần nơi thờ cúng, khoảng rừng có nhiều muông thú...). Để xác lập quyền chiếm hữu một mảnh đất nào đó, người ta dùng rất nhiều cách, như: cắm *ta leo*(6), buộc nút một số khóm gianh, lấy dao phát cây cỏ làm đường giới hạn... Đến nay, tập quán ấy vẫn được mọi người chấp nhận. Hiện tại, ngoài khu vực rừng phòng hộ, ở những chỗ gọi là "đất có khả năng lâm nghiệp", các gia đình đều đã chiếm hữu để làm nương rẫy; đúng hơn là đất đã có chủ - theo tập quán chiếm hữu của đồng bào. Vì vậy, năm 1991, khi xã tổ chức phân chia một số khu đất để trồng rừng phòng hộ, đã nảy sinh ra 2 vụ tranh chấp, bởi mảnh đất của người được chia lại đúng vào chỗ mảnh nương của người khác đã chiếm hữu lâu năm. Cần nói thêm rằng, tập quán canh tác nương, vất kiệt đất màu rồi bỏ đi để tìm nương mới ở cộng đồng Thái chỉ xảy ra với những nương quá xa nơi cư trú (thường là thuộc đất xã khác). Còn, các mảnh nương ở gần, khi hết chất màu, họ để cho

nương hưu canh chứ không vớt bỏ, bởi người ngày càng đông, nên đất canh tác lại ngày càng hiếm.

Trong cộng đồng Thái hiện nay cũng có tập quán mượn đất nương hoặc cho đất nương. Tất nhiên, việc đó chỉ diễn ra giữa những người anh em, họ hàng thân thiết.

Việc quản lý lãnh thổ của chính quyền xã hiện tại, thực chất mới là quản lý số ruộng nước và khu đất ở chợ Mường So. Về đất nương, coi như chính quyền không kiểm soát nổi. Để đánh thuế nương, xã phân bố đều cho mỗi hộ phải nộp 20kg thóc/năm!

3. Qua thực trạng hoạt động sản xuất nương rẫy của cư dân Thái ở Mường So, chúng tôi có một số ý kiến như sau:

3.1. Kinh tế nương rẫy giữ vai trò rất lớn trong đời sống của người Thái hiện nay. Như đã biết, nương rẫy đem lại nguồn thu nhập không nhỏ cho các hộ gia đình. Ngoài việc cung cấp lương thực, nương rẫy còn cung cấp thực phẩm (rau, đậu) và nguyên liệu cho thủ công nghiệp (bông, chàm). Theo ước tính, sản phẩm nương rẫy phải chiếm quá nửa tổng thu nhập của nhiều hộ gia đình.

Nên đánh giá như thế nào về thực trạng ấy?

Như phần trên đã nêu, người Thái ở Mường So không phải không có vận hội để hòa nhập với cơ chế thị trường. Song, hầu như họ chưa nắm bắt được các yếu tố kinh tế mới mà chỉ *lộn lại mô hình kinh tế truyền thống*. Trong điều kiện môi trường đã đổi thay, họ vẫn tìm cách xác lập thế cân bằng mới của nền kinh tế tự cung tự cấp. Xét về kết cấu kinh tế, đó là: *trồng trọt* (ruộng nước và nương rẫy) + *chăn nuôi* + *thủ công nghiệp* + *khai thác nguồn lợi tự nhiên*. Trong cơ cấu này, với kinh tế trồng trọt thì nương rẫy ngày càng chiếm vị trí quan trọng. Bởi như đã trình bày, ruộng nước chỉ cung cấp được một phần lương thực cho các gia đình, số còn lại, họ phải dựa vào sản phẩm nương. Còn chưa kể, biết bao nhu cầu khác cũng viện tới nguồn kinh tế này: lương thực cho chăn nuôi, thực phẩm tiêu dùng, nguồn nguyên liệu cho nghề dệt... Để xác lập thế cân bằng, trong nền kinh tế tự cung tự cấp

hiện nay, chỉ có thể mở rộng diện tích nương rẫy và tăng cường tập đoàn giống cây trồng trên nương (quảng canh). Để mở rộng, không còn cách nào hơn là đi xa, leo cao. Như vậy, từ cư dân thung lũng, họ đang trở thành cư dân nửa thung lũng, nửa nương rẫy. Cũng có nghĩa là, từ một dân tộc định canh định cư, họ đã biến thành người định cư bán du canh.

3.2. Việc phát triển kinh tế nương rẫy, trước mắt, chỉ có tác động trợ thời cho họ. Còn, nếu đặt trong quyền lợi của cộng đồng dân tộc, quốc gia, thì chiều hướng kinh tế này lại hết sức nguy hại. Trước hết, nó góp phần hủy hoại môi trường, và chính môi trường bị hủy hoại đã tàn phá ngay đời sống người Thái. Liên tục từ các năm 1986-1992, mỗi mùa mưa lũ, nước lũ đã xén gọn hàng chục ha ruộng nước trên cánh đồng So. Và đỉnh cao là mùa lũ 1992: cát sỏi đã lấp gần hết cả cánh đồng này. Chế độ thủy văn thay đổi là một nguyên nhân quan trọng làm cho nguồn cá ở các con suối của Mường So bị nghèo kiệt - ảnh hưởng nghiêm trọng đến bữa ăn, truyền thống có cơ cấu *com + cá* của họ. Mặt khác, chính kinh tế nương rẫy lại góp phần duy trì nếp sống kinh tế tự cung tự cấp của người Thái, làm họ quanh quẩn trong vòng lạc hậu.

3.3. Để hạn chế phát triển kinh tế nương rẫy ở cộng đồng người Thái hiện nay cần gắn liền với việc chuyển nền kinh tế tự cung tự cấp sang kinh tế hàng hóa. Song, con đường chuyển đổi ấy phải như thế nào để phù hợp với điều kiện đặc thù của họ - tức phù hợp với trình độ phát triển, với tâm lý dân tộc (ngại buôn bán, bon chen...)...?

Có hai con đường dẫn tới sự phân giải nền kinh tế tự cung tự cấp:

Thứ nhất, dưới tác động của thị trường, sẽ diễn ra quá trình phân tầng xã hội (giàu - nghèo), gây men cho quy luật giá trị hoạt động ngay cả trong lòng cộng đồng xã hội ấy, mà ta thấy nhiều vùng nông thôn Việt đã trải qua. Hệ quả là: kinh tế hàng hóa ra đời, trong cộng đồng xuất hiện những ông chủ, song kèm theo đó cũng vấy nhiều bùn đất: lừa lọc, tráo trở, bóc lột, vô tình nghĩa... Kiểu phát triển này, dưới con mắt của nhiều vùng dân tộc là đáng sợ, và hiện nay, về cơ bản họ

vẫn chưa chấp nhận được.

Thứ hai, bằng động lực ngoại sinh, thu hút cả một cộng đồng người vào kinh tế hàng hóa. Song, sự tham gia của họ chỉ là ở một khâu, một mắt xích nào đó chứ không phải đảm nhận từ A đến Z (tính đầu vào, tìm đầu ra...). Đây là kiểu *phát triển kinh tế hàng hóa theo tập đoàn*. Bằng con đường này, trong giai đoạn đầu, nội bộ cộng đồng ít phân hóa, ít cọ xát, vẫn giữ được truyền thống tương trợ, trọng tình nghĩa của họ. Tóm lại, họ bước vào kinh tế hàng hóa "ngon" hơn, đỡ xấu hơn. Song, khó khăn là phải có người chủ xưởng, có sự bảo trợ, nhất là *định hướng sản xuất, đầu tư vốn*, và tìm được *thị trường*.

Có lẽ ở Mường So và nhiều vùng dân tộc khác, con đường thứ hai hợp lý hơn cả. Thực tế đã chứng minh, có nhiều dân tộc, những khu vực miền núi, tuy sự phân hóa xã hội trong nội bộ cộng đồng còn thấp, song nếu có định hướng, họ vẫn tiếp cận được với kinh tế hàng hóa, vẫn làm giàu được. Chẳng hạn, như người Dao ở Việt Sơn, Đại Sơn huyện Văn Yên, ở Nậm Mười huyện Văn Chấn tỉnh Yên Bái: bằng việc kinh doanh cây quế, tại đây đã xuất hiện nhiều triệu phú và tỉ phú./

(1) Dân số năm 1963 của Mường So là 1734 người (829 nam và 905 nữ), 804 lao động.

(2) Nguồn: Phòng thống kê huyện Phong Thổ.

(3) Chúng tôi loại trừ cả khả năng thiếu vốn để mua đất của người Thái, bởi giá đất chỉ trên dưới 1.000.000đ/lô (tùy theo vị trí), nghĩa là, mới tương đương 1 con trâu! Và, theo điều tra điền dã của chúng tôi, nhiều hộ Thái còn có vàng tích lũy qua đợt khai thác vàng (1989-1992) ở núi Pu Cúng trong xã.

(4) Thường chỉ có những bản ở gần chợ vùng pheo, Tây Sơn, Tây An, Hiền ĩn, Nà Cúng mới đem bán rau. Có một số loại rau, giá rất đắt như cải bắp, súp lơ, hành, xà lách... đều do thương nhân người Kinh lấy từ thị trấn Tam Đường về bán.

(5) Một ngôi nhà sàn 7 gian lợp hết khoảng 1.000 chiếc gianh, và trung bình 3-4 năm phải lợp lại. Giá một chiếc gianh (tháng 10-1992) từ 500-700đ.

(6) Ta leo: vĩ tre đan mắt cáo, buộc trên đầu cọc cắm.